

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU
PETROLIMEX**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX

Văn phòng 5, Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch
Ông Đinh Thành Nghiệp	Thành viên
Ông Trần Long An	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên
Ông Cung Quang Hà	Thành viên
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Trần Ngọc Năm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Định	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thành Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ tháng 12 năm 2009)
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 12 năm 2009)
Ông Trương Văn Huỳnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 9 năm 2009)
Ông Eng Cher Chiew	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 3 năm 2009)
Ông Nguyễn Văn Hào	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đã ký và in chữ ký cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Số: 229 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là “Ngân hàng”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 3, Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MÃ SỐ B02/TCTD
Đơn vị tính: VND

STT CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009		31/12/2008	
A TÀI SẢN					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	141.313.231.682		153.953.546.683	
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	383.002.653.586		64.396.747.146	
III Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	2.081.492.162.132		1.931.611.833.143	
1 Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		2.013.408.512.132		1.931.611.833.143	
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		68.083.650.000		-	
IV Chứng khoán kinh doanh		-		145.567.000.000	
1 Chứng khoán kinh doanh		-		146.877.850.000	
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-		(1.310.850.000)	
V Cho vay khách hàng		6.219.950.202.916		2.347.554.848.677	
1 Cho vay khách hàng	7	6.267.026.267.599		2.365.281.759.643	
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(47.076.064.683)		(17.726.910.966)	
VI Chứng khoán đầu tư	9	967.165.536.954		1.014.662.458.417	
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		972.460.918.833		1.029.594.682.640	
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(5.295.381.879)		(14.932.224.223)	
VII Đầu tư dài hạn	10	38.020.970.220		77.429.271.695	
1 Đầu tư dài hạn khác		38.020.970.220		84.479.271.695	
2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-		(7.050.000.000)	
VIII Tài sản cố định		91.598.695.696		62.404.113.235	
1 Tài sản cố định hữu hình	11	72.529.023.412		48.576.894.808	
a Nguyên giá		91.664.702.528		57.566.958.678	
b Khấu hao lũy kế		(19.135.679.116)		(8.990.063.870)	
2 Tài sản cố định vô hình	12	19.069.672.284		13.827.218.427	
a Nguyên giá		22.945.079.149		15.002.907.306	
b Hao mòn lũy kế		(3.875.406.865)		(1.175.688.879)	
IX Tài sản Có khác		495.966.910.663		386.619.106.007	
1 Các khoản phải thu	13	358.214.985.846		307.267.518.370	
2 Các khoản lãi, phí phải thu		81.731.066.544		63.342.178.721	
3 Tài sản Có khác	14	56.020.858.273		16.009.408.916	
TỔNG TÀI SẢN CÓ		10.418.510.363.849		6.184.198.925.003	

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

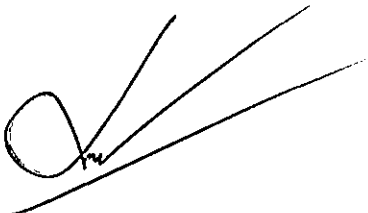
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU SỐ B02/TCTD
Đơn vị tính: VND

STT CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		180.596.921.861	-
I Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	1.965.421.074.357	2.684.518.256.255
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		1.965.421.074.357	2.684.518.256.255
II Tiền gửi của khách hàng	16	6.896.041.537.588	2.199.038.932.980
III Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		332.398.424	-
IV Phát hành giấy tờ có giá	17	50.000.000.000	167.579.483.282
V Các khoản Nợ khác		232.633.737.446	107.135.304.741
1 Các khoản lãi, phí phải trả		94.645.422.832	54.970.774.320
2 Các khoản phải trả và công nợ khác	18	133.045.907.448	52.012.509.858
3 Dự phòng rủi ro khác	18	4.942.407.166	152.020.563
Tổng Nợ phải trả		9.325.025.669.676	5.158.271.977.258
VI Vốn và các quỹ		1.093.484.694.173	1.025.926.947.745
1 Vốn của tổ chức tín dụng	19	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
a Vốn điều lệ		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	20	25.926.947.745	10.390.451.034
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21	12.600.781.921	-
4 Lợi nhuận chưa phân phối		54.956.964.507	15.536.496.711
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.418.510.363.849	6.184.198.925.003

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2008
I Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
1 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	421.483.783.769	48.629.497.063
2 Bảo lãnh khác	323.299.320.291	12.421.416.151
II Các cam kết đưa ra		
1 Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	10.026.017.230
2 Cam kết khác	341.848.329.244	170.262.095.489



Nguyễn Văn Hào
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quang Định
Tổng Giám đốc

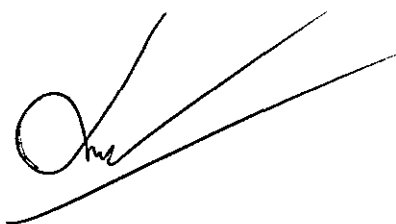
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B03/TCTD
 Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm 2009	Năm 2008
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	836.293.981.758	563.570.560.628
2	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự lãi	23	541.671.680.802	425.043.885.857
I	Thu nhập lãi thuần		294.622.300.956	138.526.674.771
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		63.878.333.237	16.072.468.867
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		26.598.219.985	9.634.771.705
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	37.280.113.252	6.437.697.162
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	44.072.113.244	69.731.521.889
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		1.459.600.000	1.337.430.834
V	Lãi (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	19.891.346.031	(9.243.267.201)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		23.958.282.751	2.202.168.441
6	Chi phí hoạt động khác		70.371.857	74.176.287
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		23.887.910.894	2.127.992.154
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		11.116.030.000	741.298.862
VIII	Chi phí hoạt động	27	158.105.824.704	102.001.838.223
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		274.223.589.673	107.657.510.248
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		43.966.570.133	16.043.755.760
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		230.257.019.540	91.613.754.488
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	55.300.055.033	26.077.257.777
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		55.300.055.033	26.077.257.777
XIII	Lợi nhuận sau thuế		174.956.964.507	65.536.496.711



Nguyễn Văn Hảo
 Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quang Định
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

STT CHỈ TIÊU	MẪU SỐ B04/TCTD	
	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2009	Năm 2008
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	817.905.093.935	540.521.558.440
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(511.824.062.103)	(408.577.182.539)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	37.280.113.252	6.437.697.162
04 Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	43.359.336.931	78.068.759.745
05 Thu nhập khác	27.953.940.894	2.127.992.154
06 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(145.252.826.122)	(86.851.112.643)
07 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(35.412.487.173)	(21.513.741.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	234.009.109.614	110.213.970.367
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
08 Giảm/(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	154.014.350.000	(22.098.000.000)
09 Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	234.461.613.807	(347.338.314.618)
10 (Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(3.901.744.507.956)	(447.712.517.683)
11 (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(90.958.916.833)	149.464.358.596
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
12 Tăng các khoản nợ chính phủ và NHNN	180.596.921.861	-
13 (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	(719.097.181.898)	(83.578.723.745)
14 Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	4.697.002.604.608	887.156.927.475
15 (Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(117.579.483.282)	167.579.483.282
16 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	12.933.180.345	-
17 Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	11.254.184.330	(871.488.530)
I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	694.891.874.596	412.815.695.144

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Theo phương pháp trực tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU SỐ B04/TCTD

Đơn vị tính: VND

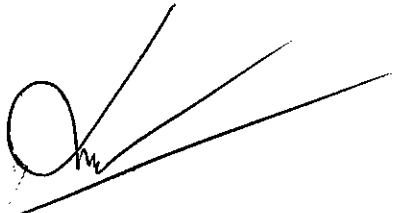
STT CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẢN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01 Mua sắm tài sản cố định	(42.047.581.043)	(40.317.492.629)
02 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(3.791.698.525)	(43.679.271.695)
03 Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	19.800.000.000	-
04 Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	11.116.030.000	741.298.862
II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(14.923.249.568)	(83.255.465.462)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẢN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01 Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	-	500.000.000.000
02 Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(70.108.354.600)	(56.119.325.000)
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(70.108.354.600)	443.880.675.000
IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm	609.860.270.428	773.440.904.682
V Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	1.927.864.126.972	1.154.423.222.290
VI Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	2.537.724.397.400	1.927.864.126.972

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm 2009, Ngân hàng tạm chia cổ tức với số tiền là 120 tỷ đồng và thanh toán số cổ tức còn lại của năm 2008. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, số cổ tức chưa trả cho các cổ đông là 76.772.320.400 đồng được điều chỉnh trên phần giảm khác về công nợ hoạt động.

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt và tương đương tiền tại quỹ	141.313.231.682	153.953.546.683
Tiền gửi tại NHNN	383.002.653.586	64.396.747.146
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (dưới 3 tháng)	2.013.408.512.132	1.709.513.833.143
	2.537.724.397.400	1.927.864.126.972



Nguyễn Văn Hào
 Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quang Định
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính